

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2020/DS-PT

Ngày: 27/11/2020

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Vân
- Các thẩm phán : 1/ Bà Bùi Thị Cẩm Thúy
2/ Bà Trương Thị Liên

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lâm Anh Thư - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Phi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân TP. Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 183/2020/TLPT - DS ngày 22/10/2020 về việc *“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 22/2020/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2020/QĐ-PT ngày 27/10/2020 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Võ Thị Duyên T, sinh năm 1977. (Vắng mặt)

Địa chỉ: đường 3/2, phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

Nơi ở: phường T, quận T, TP. Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Võ Hà Tr, sinh năm 1991, địa chỉ: đường H, khu vực Y, phường L, quận C, thành phố Cần Thơ (theo văn bản ủy quyền ngày 13/3/2019). (Có mặt)

2. ***Bị đơn:*** Ông Nguyễn Văn U, sinh năm 1973. (Có mặt)

Địa chỉ: 241 ấp T, xã L, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Ông Lý Phương T, sinh năm 1975. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: phường X, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 21/3/2019, nguyên đơn - bà Võ Thị Duyên T - trình bày: Do có quen biết nên bà có cho ông Nguyễn Văn U vay tiền cụ thể như sau:

- Ngày 22/02/2017, ông U vay số tiền 50.000.000đồng, mục đích vay để làm ăn;
- Ngày 22/5/2017, ông U vay số tiền 50.000.000đồng;
- Ngày 11/9/2017, ông U vay số tiền 100.000.000đồng.

Tất cả các lần vay ông U đều có viết biên nhận nợ, sang năm 2018 bà yêu cầu ông U trả tiền nhưng đến nay ông U không thực hiện. Bà khởi kiện yêu cầu ông U trả cho bà số tiền vốn 200.000.000đồng và tiền lãi trên số tiền 150.000.000đồng theo quy định pháp luật tính từ ngày 21/3/2019.

Tại bản tự khai ngày 17/3/2020, bị đơn - ông Nguyễn Văn U - trình bày: khoảng tháng 02/2017 ông hỏi bà Võ Thị Duyên T cho ông Lý Phương T vay số tiền 50.000.000đồng. Bà T đưa tiền cho ông T vay thông qua ông với lãi suất 8%/tháng (tiền lãi 4.000.000đồng/ tháng). Sau đó ông tiếp tục vay lần lượt số tiền 50.000.000đồng vào ngày 22/5/2017, số tiền 100.000.000đồng vào ngày 21/10/2017, lãi suất 8%/tháng. Ông T đều đóng lãi đầy đủ cho bà T đến tháng 6/2018 thì mất khả năng thanh toán. Tổng số tiền lãi trả cho bà T là 112.000.000đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Lý Phương T trình bày: Ông có hỏi vay số tiền 250.000.000đồng của bà Võ Thị Duyên T thông qua ông Nguyễn Văn U với lãi suất 15%/tháng. Khi bà T đòi lại tiền thì ông đã trả đủ số tiền 250.000.000đồng cho bà T cũng thông qua ông U. Hiện ông không còn nợ bà T, ông không có ý kiến gì trong việc bà T đòi tiền ông U, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án giữa bà T, ông U vắng mặt ông.

Vụ việc hòa giải không thành nên Tòa án nhân dân huyện Đ đưa ra xét xử.

Tại bản án số 22/2020/DSST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, Hội đồng xét xử đã tuyên như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn U có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Duyên T số tiền 221.250.000đồng (Hai trăm hai mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, bị đơn ông Nguyễn Văn U có đơn kháng cáo với yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm xem xét lại phần liên quan đối với ông Lý Phương T và tiền lãi mà ông U đã đóng cho bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Văn U vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền lãi 112.000.000đồng đã trả cho bà T. Đối với số nợ gốc 200.000.000đồng ông U yêu cầu xem xét trách nhiệm trả nợ của ông Lý Phương T vì số tiền này ông vay dùng ông T.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định trong biên nhận nợ không thể hiện có thỏa thuận tiền lãi nhưng thực tế hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất theo quy định; tuy nhiên, sau khi vay tiền ông U không trả lãi lần nào. Đối với số tiền ông U đã chuyển khoản cho bà T qua Ngân hàng ông xác định không phải là tiền lãi nhưng không rõ mục đích chuyển tiền để làm gì. Phía nguyên đơn xác định vẫn giữ yêu cầu tính lãi từ tháng 3/2019 đối với số tiền 150.000.000đồng với mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục: Thẩm phán thụ lý vụ án, những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đều đã thực hiện đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bị đơn đã thừa nhận các biên nhận nợ với tổng số tiền 200.000.000đồng đều do bị đơn viết và ký tên. Bị đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh số tiền này có liên quan đến ông Lý Phương T nên yêu cầu xem xét trách nhiệm trả nợ của ông T theo kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Bị đơn yêu cầu xem xét lại số tiền lãi đã trả nhưng cũng không chứng minh được đã trả lãi cho nguyên đơn 112.000.000đồng nên không có căn cứ để xem xét lại; tuy nhiên, đối với số tiền 16.800.000đồng bị đơn đã chuyển khoản qua ngân hàng cho nguyên đơn là có thật; phía nguyên đơn cho rằng không phải trả lãi nhưng không giải thích được đã nhận tiền vào mục đích gì, vì vậy căn cứ vào trình bày của bị đơn là trả tiền lãi và đề nghị khấu trừ vào tiền lãi bị đơn có nghĩa vụ trả theo yêu cầu tính lãi của nguyên đơn từ tháng 3/2019.

Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số nợ bị đơn đã vay của nguyên đơn, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là các biên nhận nợ có chữ ký và chữ viết ghi tên của bị đơn. Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết theo quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là có căn cứ và đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lý Phương T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Tùng.

[3] Bị đơn kháng cáo cho rằng quyết định của Tòa sơ thẩm là chưa thỏa đáng vì số tiền buộc ông phải trả cho nguyên đơn có liên quan đến người khác là ông Lý Phương T, bị đơn yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xem xét trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn của ông T và xem xét lại tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn trong đó có số tiền 16.800.000đồng bị đơn đã chuyển khoản cho nguyên đơn. Xét thấy:

[3.1] Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn U đều thừa nhận chữ và chữ viết trong các biên nhận do nguyên đơn bà Võ Thị Duyên T cung cấp đều do bị đơn viết và ký tên. Theo đó, bị đơn đã vay của nguyên đơn cụ thể: Ngày 22/02/2017 vay số tiền 50.000.000đồng; ngày 22/5/2017 vay số tiền 50.000.000đồng và ngày 11/9/2017 vay số tiền 100.000.000đồng. Bị đơn cho rằng số tiền vay thể hiện trong biên nhận là do bị đơn vay dùm cho ông Lý Phương T nên sau khi nhận tiền từ nguyên đơn bị đơn đã giao lại cho ông T. Lời trình bày này của bị đơn không được phía nguyên đơn thừa nhận. Tại bản tự khai và biên bản ghi lời khai ngày 18/6/2020, ông Lý Phương T xác định thông qua bị đơn, ông có vay của nguyên đơn số tiền 250.000.000đồng, có lập biên nhận nợ với nguyên đơn nhưng hiện nay ông đã trả hết nợ cho nguyên đơn. Đối với số tiền nguyên đơn kiện bị đơn ông hoàn toàn không biết. Do bị đơn không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh số tiền vay theo 03 biên nhận nợ do nguyên đơn cung cấp khi khởi kiện có liên quan đến ông T nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số nợ gốc 200.000.000đồng là có cơ sở.

[3.4] Đối với số tiền lãi: Bị đơn trình bày lãi suất thỏa thuận với nguyên đơn là 8%/tháng, ông đã trả lãi cho nguyên đơn tổng số tiền 112.000.000đồng. Lời trình bày này không được phía nguyên đơn thừa nhận và bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã giao cho nguyên đơn 112.000.000đồng tiền lãi. Ở giai đoạn sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định khi nguyên đơn cho bị đơn vay tiền không thỏa thuận tiền lãi nên hoàn toàn không nhận tiền lãi từ bị đơn. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi từ ngày khởi kiện 21/3/2019. Về phía bị đơn có cung cấp bản photo giấy chuyển 16.800.000đồng cho nguyên đơn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Phòng giao dịch Đ (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), số tiền này theo bị đơn trình bày là chuyển tiền lãi cho nguyên đơn; phía nguyên đơn không thừa nhận vấn đề này. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh làm rõ có hay không việc chuyển tiền như bị đơn đã trình bày mà nhận định do tài liệu bị đơn cung cấp là bản photo nên không xem xét là có thiếu sót. Để khắc phục, Tòa án cấp phúc thẩm đã có văn bản gửi Ngân hàng để làm rõ, tại công văn số 16/2020/CV-CCTT/PGD ngày 06/11/2020 Ngân hàng xác định ngày 16/6/2018 có phát sinh giao dịch chuyển tiền giữa ông U và bà T với số tiền 16.800.000đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định số tiền này không phải trả lãi nhưng cũng không lý giải được nguyên nhân vì sao có giao dịch chuyển tiền này; vì vậy căn cứ vào lời khai của bị đơn để xác định bị đơn chuyển tiền để trả lãi cho nguyên đơn để khấu trừ vào tiền

lãi bị đơn có trách nhiệm trả theo yêu cầu tính lãi của nguyên đơn như Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị là phù hợp.

Như vậy, tiền lãi bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn được tính trên số tiền 150.000.000đồng với mức lãi suất 10%/năm, tính từ tháng 3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm là 17 tháng, sau khi đã khấu trừ số tiền 16.800.000đồng là:

$$150.000.000\text{đ} \times 10\%/năm \times 17 \text{ tháng} - 16.800.000\text{đ} = 4.450.000\text{đồng}.$$

Tổng số tiền vốn và lãi bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn là:
 $200.000.000\text{đồng} + 4.450.000\text{đồng} = 204.450.000\text{đồng}$

[4] Đối với nghĩa vụ chậm thi hành án Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bị đơn phải chịu lãi theo mức lãi suất 10%/năm là không đúng với hướng dẫn tại Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm và tinh thần của Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 nên điều chỉnh lại cho phù hợp, Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[5] Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch trên số tiền phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn. Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận một phần nên án phí phúc thẩm bị đơn không phải chịu.

Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn U. Sửa bản án sơ thẩm số 22/2020/DSST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn U có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị Duyên T số tiền 204.450.000đồng (Hai trăm lẻ bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu 10.222.500đồng. Nguyên đơn được nhận lại 5.000.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 001262 ngày 05/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

- Án phí phúc thẩm: Bị đơn không phải chịu, được nhận lại 300.000đồng theo biên lai thu số 017612 ngày 18/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự
- VKSND-TPCT;
- TAND H. Đ;
- Chi cục THA.DS H. Đ;
- Lưu (2b).

(Đã ký)

Huỳnh Thị Bích Vân